**BẢNG TỔNG HỢP, CHỈ DẪN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

**VỀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MÂU THUẪN, CHỒNG CHÉO, BẤT CẬP**

**HOẶC KHÔNG CÒN PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN**

***(Tính đến ngày 13/5/2020)***

| **STT** | **Cơ quan/Tổ chức/****cá nhân gửi kiến nghị** | **Bộ, cơ quan ngang bộ liên quan** **đến nội dung được kiến nghị** | **Nhóm rà soát của Tổ công tác liên quan đến nội dung** **được kiến nghị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. HIỆP HỘI, DOANH NGHIỆP** |
|  | **Vingroup**(Văn bản số 201/2020/CV-VGR ngày 31/3/2020): 33 kiến nghị, phản ánh | **- Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị: + Phụ lục 1 (trang 2): STT1, STT2, STT3, STT4, STT5, STT7, STT8, STT9, STT10, STT11, STT12)- **Bộ Tài chính**: 05 kiến nghị:+ Phụ lục (Một số vướng mắc về tài chính, kế toán, thuế đối với các dự án bất động sản): STT3, STT4, STT5, STT6, STT7- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 08 kiến nghị:+ Phụ lục 1 (trang 2): STT1, STT2, STT6, STT17, STT18, STT19, STT20.+ Phụ lục (Một số vướng mắc về tài chính, kế toán, thuế đối với các dự án bất động sản): STT2- **Bộ Xây dựng**: 17 kiến nghị + Phụ lục 1 (trang 2): STT3, STT5, STT7, STT8, STT10, STT14, STT15, STT16, STT17, STT18, STT20.+ Phụ lục (Một số vướng mắc liên quan đến Luật kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở trang 8 đến trang 11).**- Ngân hàng nhà nước**: 01 kiến nghị( Phụ lục ”Một số vướng mắc về tài chính, kế toán, thuế đối với các dự án bất động sản”: STT1) | - **Nhóm 2**: 07 kiến nghịPhụ lục 1 (trang 2): STT1, STT2, STT4, STT5, STT9, STT11, STT12- **Nhóm 3**: 05 kiến nghịPhụ lục (Một số vướng mắc về tài chính, kế toán, thuế đối với các dự án bất động sản): STT3, STT4, STT5, STT6, STT7- **Nhóm 4**: 22 kiến nghị+ Phụ lục 1 (trang 2): STT1, STT2, STT3, STT5, STT6, STT7, STT8, STT10, STT14, STT15, STT16, STT17, STT18, STT19, STT20.+ Phụ lục (Một số vướng mắc liên quan đến Luật kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở trang 8 đến trang 11).+ Phụ lục (Một số vướng mắc về tài chính, kế toán, thuế đối với các dự án bất động sản): STT2. |  |
|  | **Công ty Cổ phần FPT** (Văn bản số 135/FPT-FAF ngày 17/4/2020): 23 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục VII.2 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 2 Phụ lục 07 trang 4-5 kèm theo để giải thích)- **Bộ Giáo dục và Đào tạo**: 01 kiến nghị (Mục VII.3 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 3 Phụ lục 07 kèm theo để giải thích, trang 5)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 05 kiến nghị ((1) là Mục II.2 trang 2 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 2 Phụ lục 02 kèm theo để giải thích); (2), (3), (4) và (5) là Mục III Công văn 135/FPT-FAF và Phục lục III)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 02 kiến nghị ((1) là Mục I.2 trang 1 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 2 Phụ lục 01 kèm theo để giải thích; (2) là Mục VII.1 trang 4-5 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 1 Phụ lục 07, trang 2-3 kèm theo để giải thích)**- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị (Mục IV trang 3 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 4 kèm theo để giải thích)- **Bộ Tài chính**: 02 kiến nghị ((1) là Mục I.1 trang 1 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 1 Phụ lục 01 kèm theo để giải thích); (2) là Mục II.1 trang 2 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 1 Phụ lục 02 kèm theo để giải thích)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 04 kiến nghị ((1) là gạch đầu dòng cuối cùng tại trang 2 Phụ lục **02** kiến nghị kèm theo); (2), (3) và (4) là Mục V trang 3-4 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 05 kèm theo để giải thích) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục I Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 01 kèm theo để giải thích)- **Nhóm 2**: 04 kiến nghị (Mục III Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 03 kèm theo để giải thích) - **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục Mục II trang 2 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 02 kèm theo để giải thích) - **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục IV Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 04 kèm theo để giải thích)- **Nhóm 6**: 01 kiến nghị (Mục V trang 3-4 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 05 kèm theo để giải thích) - **Nhóm 9**: 04 kiến nghị ((1), (2), (3) là Mục V trang 3-4 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 05 kèm theo để giải thích; (4) là Mục VII.1 trang 4-5 Công văn 135/FPT-FAF và Mục 1 Phụ lục 07 kèm theo để giải thích, trang 1-3) - **Nhóm 11**: 04 kiến nghị (Mục VI trang 4 Công văn 135/FPT-FAF và Phụ lục 06 kèm theo để giải thích) |  |
|  | **Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN**(Văn bản số 2917/EVN-PC ngày 24/4/2020): 526 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Nội vụ**: 05 kiến nghị (xem D Phụ lục 3, trang 20-23)- **Bộ Công thương**: 225 kiến nghị (xem A Mục VI.6.6 Phụ lục 2, trang 33; xem A Phụ lục 3, trang 1-8; xem D Mục II.1 Phụ lục 3, trang 23-24; xem A Mục I.2.3 Phụ lục 4, trang 3-4; xem A Mục III Phụ lục 5, trang 22-23; xem Phụ lục 6 – ngoại trừ A Mục III.19 và B Phụ lục này; xem B Phụ lục 7, trang 5-7) - **Bộ Giao thông vận tải**: **02** kiến nghị (xem C Mục II.8 Phụ lục 2, trang 76-78 và xem G Mục II Phụ lục 2, trang 144-145)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 51 kiến nghị (xem A Phụ lục 1, trang 1-13; xem C Mục III Phụ lục 1, trang 17-21; xem A Mục I, II, III và V.1 Phụ lục 2, trang 1-4; xem A Mục VIII, trang 38-50 + xem D Phụ lục 2, trang 83-85)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 14 kiến nghị (xem H Phụ lục 2, trang 145-146; xem A Mục III.19 trang 85 và B trang 93-95 Phụ lục 6)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 24 kiến nghị (xem C Mục I.1-5 và Mục I.7 Phụ lục 3, trang 9-15 và trang 17-20; xem B Mục I, II, III Phụ lục 5, trang 35-40; xem B Mục V Phụ lục 5, trang 43-44)- **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (xem B Phụ lục 1, trang 13-14)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thông**: 03 kiến nghị (xem G Mục I Phụ lục 2, trang 143-144; xem B Phụ lục 3, trang 8-9).- **Bộ Tài chính**: 43 kiến nghị (xem C Mục I và II Phụ lục 1, trang 15-17; xem C Mục II.5 Phụ lục 2, trang 72-75; xem A Mục I, II Phụ lục 5 trang 1-22 và A Mục IV Phụ lục 5 trang 23-35; xem C Phụ lục 5 trang 44-49)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 126 kiến nghị (xem C Mục I, II – từ mục 1 đến 4 Phụ lục 2, trang 51-72 và Mục II.6 Phụ lục 2, trang 75-76 và Mục II.9 + Mục III, trang 78-83)- **Bộ Xây dựng**: 56 kiến nghị (xem A Mục V, VI, VII Phụ lục 2, trang 4-38; xem F Phụ lục 2, trang 86-143).- **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (xem C Mục I.6 Phụ lục 3, trang 16) - **Bộ Tư pháp**: 05 kiến nghị (xem B mục 1 và mục 2 Phụ lục 4, trang 5-6; xem A Phụ lục 7, trang 1-5; )- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 01 kiến nghị (xem A Mục I.1 Phụ lục 5, trang 1-2)-Thanh tra Chính phủ: 05 kiến nghị (xem A Mục I.1, Mục I.2.1 và Mục I.2.2 Phụ lục 4, trang 1-3 + Mục II Phụ lục 4, trang 4) | - **Nhóm 1**: 20 kiến nghị (xem A Phụ lục 1, trang 1-13 và xem C Mục III, trang 17-21) - **Nhóm 2**: 24 kiến nghị (xem A Mục I, II, III, IV và V, trang 1-12)- **Nhóm 3**: 44 kiến nghị (xem xem C Mục I và II Phụ lục 1, trang 15-17; xem C Mục II.5 Phụ lục 2, trang 72-75; xem A Mục I, II Phụ lục 5 trang 1-22; xem A Mục IV Phụ lục 5 trang 23-35; xem C Phụ lục 5 trang 44-49)- **Nhóm 4**: 174 kiến nghị (xem xem A Mục V, VI, VII Phụ lục 02, trang 4-38; xem C Mục I, II Phụ lục 2, trang 51-75 và xem F Phụ lục 2, trang 86-143)- **Nhóm 5**: 27 kiến nghị (xem C Mục I Phụ lục 3, trang 9-22; xem B Mục I, II, III Phụ lục 5, trang 35-40)- **Nhóm 6**: 92 kiến nghị, xem tại mục 1.2 trang 2-3 Phụ lục 1; Mục V.13 trang 10-12 Phụ lục 2; Mục VI.1 trang 13-16 Phụ lục 2; tại mục 2.3 trang 17 của Mục VI Phụ lục 2 + mục 6.3 trang 32 Mục VI Phụ lục 2; Mục VIII.1 trang 38-39 và Mục VIII.5, VIII.6, VIII.7, VIII.8, VIII.9 trang 42-45 Phụ lục 2 + trang 45-51 Phụ lục 2; và mục 2.2 trang 10-12 Phụ lục 3; xem A (mục 4.2 của Mục I trang 11-12) Phụ lục 5; xem A (mục 3.2 của Mục II trang 15-16) Phụ lục 5; xem A (mục 6 của Mục IV trang 32-35); xem B (Mục III.2 trang 38-39) Phụ lục 5; xem C (mục 3 trang 48) Phụ lục 5; và xem A (mục 8.1 của Mục I trang 10-12) Phụ lục 6; xem A (mục 1.4 của Mục II trang 23-24) Phụ lục 6; xem A (từ mục 2.1 đến mục 2.7 trang 29-42) Phụ lục 6; xem A (mục 2.8.2 và mục 2.8.3 trang 43-46) Phụ lục 6; xem A (mục 1 đến mục 5.1 của Mục III trang 46-54) Phụ lục 6; xem A (mục 5.7 của Mục III trang 56-58) Phụ lục 6; xem A (mục 6 của Mục III trang 58-62); xem A (mục 8.1 của III trang 63) Phụ lục 6; xem A (mục 9 của Mục III trang 63-65) Phụ lục 6; xem A (mục 11.1 của Mục III trang 66) Phụ lục 6; xem A (mục 15 của Mục III trang 74-75) Phụ lục 6; xem A (mục 18.2 của Mục III trang 83-84) Phụ lục 6; và xem A (mục 4 của Mục IV trang 90) Phụ lục 6; và xem A (mục 2, mục 3, mục 4 trang 1-5) Phụ lục 7 + xem B trang 5-7 Phụ lục 7.- **Nhóm 10**: 02 kiến nghị (xem C Mục III.4 Phụ lục 1, trang 20-21; và xem A mục 1 trang 1 Phụ lục 7.  |  |
|  | **Hiệp hội Cảng biển Việt Nam**( Văn bản số số 07/VPA-CT ngày 04/04/2020 – 01 kiến nghị; Văn bản số số 09/VPA-CT ngày 20/04/2020; Văn bản số số 10/VPA-CT ngày 22/04/2020 Báo cáo kiến nghị ”doanh nghiệp, doanh nhân đóng góp ý kiến hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế”; ): 04 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Giao thông vận tải**: 4 kiến nghị - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Văn bản số số 10/VPA-CT ngày 22/04/2020 ) | - **Nhóm 11**: 02 kiến nghị (Công văn số 07/VPA-CT ngày 04/04/2020)- **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Văn bản số số 10/VPA-CT ngày 22/04/2020 ) | Nội dung tập trung vào Nghị định số 59/2018/NĐ-CP; Nghị định 08/2015/NĐ-CP; Thông tư số 54/2018/TT-BGDĐT) |
|  | **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**(Văn bản số 64 /BC-TKV ngày 20/4/2020): 26 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công thương**: 16 kiến nghị (Mục I.1; II.1; III.2 đến III.7; III.9 đến III.11; IV)

**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 02 kiến nghị (Mục I.2; III.13)**Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 1 kiến nghị (Mục III.9)**Bộ Tài chính**: 5 kiến nghị (Mục I.4; II.4 đến II.6; III.12)**Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (Mục III.13)**Bộ Y tế**: 1 kiến nghị( Mục III.8) | * **Nhóm 1**: 3 kiến nghị (mục I.2; mục II.1; II.6)

**Nhóm 3**: 4 kiến nghị (Mục I.4; II.4; II.5; III.12 )* **Nhóm 4**: 4 kiến nghị (Mục I.3; II.3; III.1)
* **Nhóm 5**: 1 kiến nghị (Mục III.8)
 |  |
|  | **Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**(Công văn số 0528/PLX-PCKT ngày 24/4/2020): 29 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 09 kiến nghị (Mục 2.1.đ, 2.1.e, 2.2.a, 2.2.e, 2.2.g, 2.2.h, 2.2.k, 2.4.b, 2.5.b)- **Bộ Giao thông vận tải**: 03 kiến nghị (Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.2.e)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 04 kiến nghị (Mục 2.1.g, 2.1.h, 2.1.k, 2.2.m)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 03 kiến nghị (Mục 2.3.a, 2.3.b, 2.3.g)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 05 kiến nghị (Mục 2.2.a, 2.2.b, 2.2.c, 2.2.d, 2.2.l)- **Bộ Xây dựng**: 01 kiến nghị (Mục 2.2.đ)- **Bộ Tài chính**: 03 kiến nghị (Mục 2.3.đ, 2.4.a, 2.5.a)- **Ngân hàng nhà nước**: 01 kiến nghị (Mục 2.3.e) | - **Nhóm 3**: 03 kiến nghị (Mục 2.3.a, 2.3.đ, 2.3.e)- **Nhóm 4**: 04 kiến nghị (Mục 2.1.g, 2.1.h, 2.1.k, 2.2.e)- **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục 2.2)- **Nhóm 11**: 02 kiến nghị (Mục 2.5.a, 2.5.b) |  |
|  | **Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)**(Văn bản số 1817 /VNPT-KTPCTT ngày 17/4/2020): 91 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục IV; XI.5)
* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 19 kiến nghị (Mục I.3; I.4; I.5; I.8 đến I.13; II.1 đến II.3; II.6; II.7; V.2)
* **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 02 kiến nghị ( Mục II.5)
* **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị (Mục VI)
* **Bộ Tài chính**: 30 kiến nghị (Mục; I.1; I.3; I.4; I.5; I.7; I.9; II.1; II.2; II.4; II.5.2; III.1 đến III.9; III.12; III.13; III.16 đến III.21; V.1.3; V.1.6; V.3)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục V; )
* **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 19 kiến nghị ( Mục I.2; I.6; II.10; II.11; II.13 đến II.19; XI)
* **Bộ Tư pháp**: 03 kiến nghị (Mục IV.1; VII; IX)
* **Bộ Xây dựng** : 01 kiến nghị (Mục V.3)
 | * **Nhóm 1**; 13 kiến nghị ( Mục I)
* **Nhóm 2**; 7 kiến nghị (Mục II)
* **Nhóm 3**: 21 kiến nghị (Mục III)
* **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục IV)
* **Nhóm 4**: 3 kiến nghị (Mục V)
* **Nhóm 5**: 02 kiến nghị (Mục VI)
* **Nhóm 6**: 1 kiến nghị (Mục VII)
* **Nhóm 8**: 02 kiến nghị (Mục IX)
* **Nhóm 11**: 01 kiến nghị (Mục X)
 |  |
|  | **Tập đoàn dệt may Việt Nam**(Văn bản số 291/TĐDMVN-THPC ngày 20/4/2020): 02 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục 1)- **Ngân hàng Nhà nước**: 01 kiến nghị (Mục 2) | - **Nhóm 11**: **02** kiến nghị (Mục 1, Mục 2) |  |
|  | **Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM)** ( Văn bản số 854/VICEM-KTPC ngày 20/4/2020): 21 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị ( Mục VI Phụ lục)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục V Phụ lục) - **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 5 kiến nghị (Mục II, Mục IV.1 Phụ lục)- **Bộ Tài chính**: 9 kiến nghị (Mục I, Mục VIII Phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 05 kiến nghị (Mục IV.2, VII Phụ lục)- **Bộ Xây dựng** 01 kiến nghị (Mục III.2 Phụ lục) | **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục II.2 Phụ lục) **Nhóm 3**: 9 kiến nghị (Mục I, Mục VIII Phụ lục)**Nhóm 4**: 05 kiến nghị (Mục IV.2, VII Phụ lục)**Nhóm 5**: 02 kiến nghị (Mục II Phụ lục)**Nhóm 6**: 01 kiến nghị (Mục VI Phụ lục) |  |
|  | **Tổng công ty Lương thực miền Bắc**( Văn bản số 318/TCTLMB-PCTTra):12 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (Mục 12)- **Bộ Tài chính**: 9 kiến nghị - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị (Mục 2) | - **Nhóm 3**: 11 kiến nghị- **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục 12) |  |
|  | **Hiệp hội Bảo hiểm VN**(Văn bản số 37/HHBH/2020 ngày 18/4/2020): 09 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (xem mục 4 trang 5 Công văn 37/HHBH/2020).- **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (xem mục 4 trang 5 Công văn 37/HHBH/2020)- **Bộ Tài chính**: 09 kiến nghị (toàn bộ nội dung của Công văn số 37/HHBH/2020 – nếu tính trong đó mục 1 có thể hiểu có 03 kiến nghị và mục 3.2 có 02 kiến nghị) - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị (xem mục 4 trang 5 Công văn 37/HHBH/2020) - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 01 kiến nghị (xem mục 4 trang 5 Công văn 37/HHBH/2020).- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**: 01 kiến nghị (xem mục 4 trang 5 Công văn 37/HHBH/2020) | - **Nhóm 1**: 04 kiến nghị (xem mục 1; mục 2; đoạn 2 mục 3.2 cuối trang 3 + đầu trang 4; mục 4 trang 5 của Công văn 37/HHBH/2020 )- **Nhóm 6**: 02 kiến nghị (đoạn 3 cuối trang 2 và đoạn 4 đầu trang 3 mục 3.1 của Công văn 37/HHBH/2020)- **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (xem mục 2 trang 2 của Công văn 37/HHBH/2020 ; mục 3.3 trang 4 của Công văn 37/HHBH/2020)- **Nhóm 11**: 04 kiến nghị (xem mục 3 trang 3-5 37/HHBH/2020) |  |
|  | **HH cà phê ca cao VN** (Văn bản số 27/HHCPCC-2020 ngày 20/4/2020): 02 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 02 kiến nghị | **Nhóm 3**: 01 kiến nghị (Mục 1)**Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục 2) | Không kiến nghị về văn bản QPPL |
|  | **HH Doanh nghiệp dược Việt Nam**(Văn bản số 19/HHD-CV ngày 23/4/2020): 55 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 08 kiến nghị (xem mục 1.6 của Phụ lục, trang 2; Mục II.1 trang 5-6 của Phụ lục)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 03 kiến nghị (xem mục 1.3 và mục 1.5 trang 1, mục 2.2 trang 3 của Phụ lục) - **Bộ Tài chính**: 10 kiến nghị (xem mục 1.1, mục 1.4, mục 1.5 của Phụ lục, trang 1; Mục II.2 trang 7-10 của Phụ lục)- **Bộ Y tế**: 32 kiến nghị (xem mục 1.5 trang 1-2 và mục 2.1 trang 2, mục 2.3 + mục 2.4 + mục 2.5 trang 3-4 của Phụ lục; Mục II.4 trang 10-14 của Phụ lục; Mục II.5 trang 14-18 của Phụ lục)**- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**: 02 kiến nghị (xem mục 1.2 Phụ lục, trang 1) | - **Nhóm 1**: 34 kiến nghị (xem mục 1.5 trang 1-2; mục 2.1 trang 2-3; mục 2.3-gạch đầu dòng thứ 2 trang 3-4; mục 2.4 trang 4 của Phụ lục; Mục II.1 trang 5-6 của Phụ lục; Mục II.4 trang 10-14 của Phụ lục; Mục II.5 trang 14-18 của Phụ lục) - **Nhóm 3**: 07 kiến nghị (xem mục 1.1 và mục 1.2 trang 1 của Phụ lục; mục 1.6 trang 2 của Phụ lục; mục 2.3 trang 3 của Phụ lục) - **Nhóm 6**: 01 kiến nghị (xem mục 2.5 của Phụ lục, trang 4)- **Nhóm 7**: 11 kiến nghị (xem mục 1.4 trang 1 Phụ lục; mục 1.5 – gạch đầu dòng thứ 2,3,4 trang 2 Phụ lục; mục 2.1, mục 2.3 và mục 2.4 từ trang 2 đến trang 4 của Phụ lục ) - **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (mục 1.5-gạch đầu dòng thứ nhất của Phụ lục, trang 1; Mục II.3 của Phụ lục, trang 10)- **Nhóm 10**: 08 kiến nghị (xem Mục II.4 trang 10-14 của Phụ lục)- **Nhóm 11**: 19 kiến nghị (xem tại Mục I từ mục 1.1 đến 2.4 Phụ lục, trang 1-4) |  |
|  | **Công ty CP TĐ Masan**(Văn bản số 121/2020/CV ngày 20/4/2020): 54 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 13 kiến nghị (xem mục 1.1, mục 1.2, mục 2.1, mục 2.2, mục 2.3 của Phụ lục MCH, trang 1-3; xem Mục II và III của Phụ lục MML, trang 3-4; xem mục 1 của Phụ lục VCM, trang 1; xem mục 1 của Phụ lục VEC, trang 1)- **Bộ Lao động** - **Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (xem mục 5.2 của Phụ lục MCH, trang 6)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 11 kiến nghị (xem Mục I của Phụ lục MML, trang 1-2; xem Mục IV của Phụ lục MML, trang 4-5; xem mục 5 của Phụ lục VEC, trang 4; xem mục 7 của Phụ lục VEC, trang 5-7)- **Bộ Tài chính**: 14 kiến nghị (xem mục 2.3 và mục 3 của Phụ lục MCH, trang 3-4; xem Mục V của Phụ lục MML, trang 5-6; xem từ mục 01 đến mục 05 của Phụ lục MSR, trang 1-6; xem mục 9, 10, 11 của Phụ lục VEC, trang 8-9)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 08 kiến nghị (xem mục 4 của Phụ lục MCH, trang 5-6; xem mục 06 của Phụ lục MSR, trang 7-8; xem mục 2, 3, 4 của Phụ lục VEC, trang 2-4; xem mục 8 của Phụ lục VEC, trang 7)- **Bộ Y tế**: 02 kiến nghị (xem mục 5.1 của Phụ lục MCH, trang 6; xem mục 6 của Phụ lục VEC) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (xem mục 1 của Phụ lục MCH, trang 1-2)- **Nhóm 2**: 07 kiến nghị (xem mục 2 của Phụ lục MCH, trang 2-3)- **Nhóm 3**: 03 kiến nghị (xem mục 3 của Phụ lục MCH, trang 2-5)- **Nhóm 4**: 03 kiến nghị (xem mục 4 của Phụ lục MCH, trang 5-6) - **Nhóm 7**: 04 kiến nghị (xem mục 5 của Phụ lục MCH, trang 6; xem mục 2 của Phụ lục VCM, trang 1-2; xem mục 1 của Phụ lục VEC, trang 1). |  |
|  | **Hội Nam y Việt Nam** (Công văn số 15/VP-HNY ngày 20/4/2020): 03 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (Mục I.1, I.2);- **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (Mục II). |  |  |
|  | **Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi):** 20 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Giao thông vận tải**: 01 kiến nghị (Gạch đầu dòng thứ 3 Mục 3)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 04 kiến nghị (Mục 2, gạch đầu dòng thứ nhất Mục 5, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 5, gạch đầu dòng thứ 4 Mục 5)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (gạch đầu dòng thứ 3 Mục 5)- **Bộ Tài chính**: 04 kiến nghị (Gạch đầu dòng thứ nhất Mục 4, gạch đầu dòng thứ 4 Mục 5, gạch đầu dòng thứ 5 Mục 5, gạch đầu dòng thứ nhất Mục 6)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 04 kiến nghị (Mục 2, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 3, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 4, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 6)- **Bộ Xây dựng**: 01 kiến nghị (Mục 1) | - **Nhóm 1**: 04 kiến nghị (Mục 1, gạch đầu dòng thứ nhất Mục 5, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 5, gạch đầu dòng thứ 4 Mục 5)- **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục 2)- **Nhóm 3**: 01 kiến nghị (Gạch đầu dòng thứ nhất Mục 4)- **Nhóm 4**: 04 kiến nghị (Mục 2, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 3, gạch đầu dòng thứ nhất Mục 4, gạch đầu dòng thứ 2 Mục 4) |  |
|  | **Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)** (Công văn số 396/CV-DBD): 03 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 02 kiến nghị (Mục 1,2)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục 3) | - **Nhóm 1**: 01 kiến nghị (Mục 3)- **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (Mục 1, Mục 2) |  |
|  | **VCCI** (kèm theo Công văn số 9788/VPCP-PL ngày 28/10/2019 của Văn phòng Chính phủ): 20 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 25 kiến nghị (Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5, Mục 6, Mục 7, Mục 9, Mục 11, Mục 12, Mục 13, Mục 14, Mục 16, Mục 19, Mục 20)- **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục 19)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 6, Mục 8, Mục 9, Mục 10, Mục 11, Mục 12, Mục 13, Mục 16, Mục 18)- **Bộ Tư pháp**: 01 kiến nghị (Mục 10)- **Bộ Xây dựng**: 12 kiến nghị (Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 5, Mục 7, Mục 8, Mục 14, Mục 15, Mục 16, Mục 17, Mục 19, Mục 20) | - **Nhóm 2**: 12 kiến nghị (Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5, Mục 6, Mục 7, Mục 9, Mục 11, Mục 12, Mục 13, Mục 19)- **Nhóm 4**: 17 kiến nghị (Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5, Mục 6, Mục 8, Mục 10, Mục 11, Mục 12, Mục 13, Mục 14, Mục 15, Mục 16, Mục 17, Mục 18, Mục 20) |  |
|  | **Tổng công ty thuốc lá Việt Nam** (bản giấy) Công văn số 232/TTVN-PC ngày 20/4/2020: 29 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 5 kiến nghị (ST3-Tr17, STT1 -Tr27 Phụ lục 2; Mục 2 Tr9 Phụ lục 1; Mục 1,2 Phụ lục 3)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (STT 1.2 Mục I Phụ lục 2)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiế nghị ( STT2- Tr15 Phụ lục 2)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 03 kiến nghị (Mục IV Phụ lục 2)- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Tr 9 Phụ lục 2- **Bộ Tài chính**: 9 kiến nghị (Mục 3 Phụ lục 3, Tr 3-11, Tr16-20 Phụ lục 2)- **Bộ Y tế**: 11 kiến nghị (Phụ lục 1) | - **Nhóm 3**: 9 kiến nghị ( Tr 3-11 Phụ lục 2, Tr16-20)- **Nhóm 5**: 03 kiến nghị (Mục IV Phụ lục 2)-**Nhóm 9**: 1 kiến nghị (STT1, Tr11 Phụ lục 2)- **Nhóm 11**: 03 kiến nghị ( Phụ lục 3) | Các kiến nghị tập trung chủ yếu vào Luật phòng chống tác hại của thuốc  |
|  | **Tập đoàn Hóa chất Việt Nam** (Công văn số 599/HCVN-KTPC ngày 21/4/2020): 10 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị(Mục 7 Phụ lục)- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 8 Phụ lục)- **Bộ Tài chính**: 07 kiến nghị- **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (Mục 10 Phụ lục) | - **Nhóm 1**: 03 kiến nghị (Mục 2, 7, 8 Phụ lục)- **Nhóm 3**: 06 kiến nghị- **Nhóm 11**: 01 kiến nghị (Mục 10 Phụ lục) |  |
|  | **Tổng công ty hàng không Việt Nam** (Công văn số 472/TCTHK-PC ngày 24/4/2020 đính kèm Báo cáo số 224/BC-TCHK-Pc ngày 24/2/2020, Công văn số 439/TCTHK-PC ngày 01/6/2018): 51 kiến nghị, phản ánh | - Bộ Giao thông và vận tải:39 kiến nghị ( Mục 3, 4, Phụ lục CV 472; STT2.3 Phụ lục 3 Báo cáo 224, Phụ lục 1, 2, 3 CV 439)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 10 kiến nghị (Mục 1 Phụ lục CV 472; Phụ lục 1,2,3, Mục III Phụ lục 4 Báo cáo 224; STT2, Phụ lục 2 CV439)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 04 kiến nghị ( Mục 3, 4, Phụ lục CV 472, STT 3,5, Phụ lục 1 CV 439)- **Bộ Tài chính**: kiến nghị - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 5 kiến nghị (Mục I Phụ lục 4 Báo cáo 224 )- **Bộ Xây dựng**: 04 kiến nghị (Mục 1, 2 Phụ lục CV 472, mục II Phụ lục 4 Báo cáo 224 ) | - **Nhóm 1**: 16 kiến nghị (Phụ lục 1,2 Báo cáo 224, Phụ lục 2 CV439)- **Nhóm 2**: 06 kiến nghị (Mục 1, 2 Phụ lục CV 472; Phụ lục 3, Mục III Phụ lục 4 Báo cáo 224)- **Nhóm 4**: 07 kiến nghị (Mục I, II Phụ lục 4 Báo cáo 224 )- **Nhóm 5**: 02 kiến nghị (Mục 3, 4, Phụ lục CV 472, STT 3,5, Phụ lục 1 CV 439) | Nội dung chủ yếu gắn với hoạt động của doanh nghiệp (Luật hàng không dân dụng) |
|  | **Tập đoàn Công nghệ- Viễn thông quân đội (bản giấy)** (Văn bản số 1252/CNVTQĐ-PC) ngày 21/4/2020): 81 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục 49, 50 Phụ lục)- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 51 Phụ lục)- Bộ Quốc phòng: 01 kiến nghị (Mục 70 Phụ lục)- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 44- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 01 kiến nghị (Mục 46 Phụ lục)- **Bộ Tài chính**: 18 kiến nghị (Mục 1,2,3,4; 19,64, 68 đến 84 Phụ lục- **Bộ Xây dựng**: 31 kiến nghị: (Mục 9, 14, 26 đến 34,36,43, 47, 48, 52 đến 67 Phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục 1 đến 12, 35,39,48 Phụ lục)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 12 kiến nghị (Mục 13, 15 đến 18, 20 đến 24, 51, 69)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 21kiến nghị (Mục 5,6,7,9,11, 25 đến 45 Phụ lục)  | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục 25, 42 đến 45 Phụ lục)- **Nhóm 2**: 21 kiến nghị ( Mục 5, 6,7,9,10,11, 26 đến 36, 38 đến 41, 56 Phụ lục)- **Nhóm 3**: 14 kiến nghị (Mục 68 đến 84 Phụ lục)- **Nhóm 4**: 18 kiến nghị (Mục 1đến 4,8,12, 7, 47,48, 52,55, 57 đến 62, 64 đến 67 Phụ lục)- **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục 46 Phụ lục)- **Nhóm 6**: 02 kiến nghị (Mục 53,63 Phụ lục-**Nhóm 9**: 20 kiến nghị (Mục 13 đến 24,49,50,51,69,71,72,73,77 Phụ lục) | Một số đề xuất liên quan đến thuế phục vụ cho việc phát triển CNTT, thương mại điện tử |
|  | **Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị** (bản giấy) (Văn bản số 1460/HUD-PC ngày 20/4/2020): 09 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 04 kiến nghị (Mục 1, 3,4,5)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị (Mục 7)- **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục 8,9)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 04 kiến nghị (Mục 1,2,6,7)  | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 1, 2)- **Nhóm 2**: 02 kiến nghị ( Mục 6,7)- **Nhóm 3**: 03 kiến nghị (Mục 3,4,,5)- **Nhóm 4**: 02 kiến nghị (Mục 8,9) |  |
|  | **Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam** (Công văn số 46/2020/CV-VASEP): 01 kiến nghị, phản ánh | **- Bộ Tài chính:** 01 kiến nghị**- Bộ Khoa học và công nghệ:** 01 kiến nghị | **- Nhóm 7**: 01 kiến nghị | Kiến nghị về quy định đăng ký sử dụng mã số mã vạch đối với hàng xuất khẩu Nghị định 74/2018/NĐ-CP |
| **Tổng I: 1112 kiến nghị**  |
| **II. BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ** |
|  | **Bộ Giáo dục và Đào tạo**(Số: 1361/BGDĐT-PCngày 22/4/2020 ): 01 kiến nghị, phản ánh | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 1 kiến nghị (Mục 1) | **Nhóm 1**: 1 kiến nghị (Mục 1)Kiến nghị về việc giảm biểu mẫu báo cáo cho doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP |  |
|  | **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn****(**Công văn số 2741/BNN-PC ngày 21/4/2020): 11 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục II)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 03 kiến nghị (Mục I; Mục II)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 07 kiến nghị (Mục III) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục II; Mục IV)- **Nhóm 4**: 07 kiến nghị (Mục III) - **Nhóm 7**: 02 kiến nghị (Mục I) |  |
|  | **Bộ Văn hóa thể thao và du lịch**(Số: 1520/BVHTTDL-PC): 08 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 1 kiến nghị (Mục 1, trang 2)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 1 kiến nghị (Mục 1, trang 2)- **Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch**: 6 kiến nghị (Mục 1, trang 1-4)  | - **Nhóm 2**: 1 kiến nghị (Mục 1, trang 2), bất cập liên quan đến dự án đầu tư công tu bổ di tích.- **Nhóm 4**: 1 kiến nghị (Mục 1, trang 2) |  |
|  | **Bảo hiểm Xã hội Việt Nam**(Số 1286/BHXH-PC ngày 24/4/2020): 46 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Y tế**: 9 kiến nghị (Mục I, Phụ lục 1), vướng mắc chung liên quan đến 3 luật BHXH, BHYT, Luật Việc làm- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 17 kiến nghị (Phụ lục 1)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (Mục IV Phụ lục 2)**- Bộ Quốc phòng,** **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (STT 6 Mục II Phụ lục 1)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 2 kiến nghị (Mục II Phụ lục 2)- **Bộ Xây dựng**: 5 kiến nghị (Mục II Phụ lục 2)- **Bộ Y tế**: 8 kiến nghị (STT 4 Mục II Phụ lục 1; Mục V Phụ lục 1)- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**: 1 kiến nghị (STT 11 Mục II Phụ lục 1)- **Thanh tra Chính phủ**: 2 kiến nghị (Mục III Phụ lục 2) | - **Nhóm 4**: 5 kiến nghị (Mục 1 Phụ lục 2)- **Nhóm 5**: 35 kiến nghị (Phụ lục 1)- **Nhóm 7**: 1 kiến nghị (STT 10 Mục 2 Phụ lục 1)- **Nhóm 9**: 1 kiến nghị (STT 1 Mục II Phụ lục 2) |  |
|  | **Đài Truyền hình Việt Nam** (Công văn số 374/TTVN-VP ngày 21/4/2020): 03 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 03 kiến nghị (Từ Mục 1 đến Mục 3) |  |  |
|  | **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** (Công văn số 3031/NHNN-PC ngày 28/4/2020): 16 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Giao thông vận tải**: 01 kiến nghị (Mục 4.4, trang 8)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 02 kiến nghị (Mục 1) - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục 2)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 07 kiến nghị (Mục 3; Mục 4.4, trang 8)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 02 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Tư pháp**: 09 kiến nghị (Mục 3.1, trang 3; Mục 3.5, trang 4; Mục 4; Mục 5.2, trang 10)- **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục 3.6, trang 5; Mục 4.4, trang 8)- Tòa án nhân dân tối cao: 01 kiến nghị (Mục 4.4.b, trang 7) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 1)- **Nhóm 3**: 01 kiến nghị (Mục 2)- **Nhóm 4**: 06 kiến nghị (Mục 3)- **Nhóm 6**: 05 kiến nghị (Mục 4)- **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục 5) |  |
|  | **Kiểm toán nhà nước** (Công văn số 444/KTNN-PC ngày 21/4/2020): 4 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục 3) - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục 4)- **Bộ Tư pháp**: 02 kiến nghị (Mục 1,2) | - **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục 3) - **Nhóm 3**: 01 kiến nghị (Mục 4)- **Nhóm 8**: 02 kiến nghị (Mục 1,2) |  |
| **Tổng II: 89 kiến nghị**  |
| **III. ĐỊA PHƯƠNG** |
| **1** | **Bắc Kạn**(Số: 2157/UBND-NCPC ngày 20/4/2020) : 23 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 5 kiến nghị (khoản 1, 2 mục I); (khoản 1, 2, 3 mục II)- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 6 kiến nghị (mục IV)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (mục VI)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 11 kiến nghị (khoản 3 mục I; khoản 2 mục II; mục III)- **Bộ Tư pháp**: 7 kiến nghị (mục V) | - **Nhóm 1**: 3 kiến nghị (mục I)- **Nhóm 3**: 3 kiến nghị (mục II)- **Nhóm 4**: 9 kiến nghị (mục III)- **Nhóm 5**: 6 kiến nghị (mục IV)- **Nhóm 8**: 7 kiến nghị (mục V)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị (mục VI) |  |
| **2** | **Bắc Giang**(Công văn số 392 /STP-XD&KTrVB ngày 19/4/2020): 57 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (STT 6 mục XII phụ lục)- **Bộ Công thương**: 1 kiến nghị (STT 1 mục XII phụ lục)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 7 kiến nghị (mục I phụ lục kèm công văn; STT 3,4 mục II phụ lục; STT 1, 2, 5 mục III phụ lục;)- **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 4 kiến nghị (STT 1, 2, 4, 5 mục V phụ lục)- **Bộ Ngoại giao**: 1 kiến nghị (STT 1 mục III phụ lục)- **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (STT 8 mục IV phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 9 kiến nghị (STT 1, 2 mục II phụ lục; STT 3 mục III phụ lục; STT 1, 2, 3, 4, 5, 17 mục IV phụ lục)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**, **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (STT 11 mục XII phụ lục)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 2 kiến nghị (STT 1 mục VII phụ lục; STT 12 mục XII phụ lục)- **Bộ Tư pháp**: 15 kiến nghị (STT 18 mục IV phụ lục, mục VIII phụ lục, STT 2, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 13 mục XII phụ lục)- **Bộ Xây dựng**: 12 kiến nghị (STT 4 mục III phụ lục; STT 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21 mục IV phụ lục)- **Bộ Y tế**: 2 kiến nghị (STT 3 mục V phụ lục, mục XI phụ lục) - **Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa Án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 1 kiến nghị (STT 4 mục XII phụ lục) | - **Nhóm 1**: 2 kiến nghị (mục I phụ lục): kiến nghị về bất cập tại Luật Doanh nghiệp- **Nhóm 2**: 4 kiến nghị (mục II phụ lục)- **Nhóm 3**: 5 kiến nghị (mục III phụ lục)- **Nhóm 4**: 21 kiến nghị (mục IV phụ lục)- **Nhóm 5**: 5 kiến nghị (mục V phụ lục)- **Nhóm 8**: 6 kiến nghị (mục VIII phụ lục) |  |
| **3** | **Bắc Ninh**(Công văn số 62 /BC-STP ngày 20/4/2020): 77 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 4 kiến nghị (trang 21-22 mục X Công văn)- **Bộ Công thương**: 2 kiến nghị (mục VII Công văn)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 7 kiến nghị (khoản 2, 3, 4 mục II Công văn; khoản 9 mục IV Công văn; trang 19 mục VIII Công văn, trang 20 mục IX Công văn, trang 21 mục X Công văn) - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 1 kiến nghị (khoản 10 mục IV Công văn)- **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 3 kiến nghị (trang 22-23 mục X Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 2 kiến nghị (mục V Công văn)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 5 kiến nghị (trang 19, 20 mục VIII Công văn) - **Bộ Tài chính**, Bộ Kế hoạch đầu tư, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 1 kiến nghị (khoản 8 mục II Công văn)- **Bộ Tài chính**:9 kiến nghị (khoản 1-6, khoản 8 mục IV Công văn; trang 20 mục IX Công văn; trang 24 mục X Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, Bộ Kế hoạch đầu tư: 1 kiến nghị (khoản 6 mục II Công văn )- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 13 kiến nghị (mục I Công văn; khoản 7 mục IV Công văn; trang 23-24 mục X Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 9 kiến nghị (khoản 8-12 mục III Công văn; trang 22-23 mục X Công văn)- **Bộ Xây dựng**, **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 4 kiến nghị (khoản 1, 5, 7, 9 mục II Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (trang 21 mục X Công văn)- **Ngân hàng nhà nước**: 2 kiến nghị (mục V Công văn)- **Thanh tra Chính phủ**: 6 kiến nghị (mục VI Công văn)- Tòa án nhân dân tối cao: 7 kiến nghị (STT 1-7 mục III Công văn) | - **Nhóm 2**: 9 kiến nghị (mục II Công văn)- **Nhóm 3**: 10 kiến nghị (mục IV Công văn)- **Nhóm 4**: 10 kiến nghị (mục I Công văn)- **Nhóm 6**: 12 kiến nghị (mục III Công văn)- **Nhóm 7**: 2 kiến nghị (mục VII Công văn)- **Nhóm 10**: 2 kiến nghị (mục V Công văn)- **Nhóm 11**: 4 kiến nghị (trang 24-25 mục X Công văn) |  |
| **4** | **Bến Tre**(Công văn số 134/BC-UBND ngày 27/4/2020): 31 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Giáo dục và Đào tạo**: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 04 kiến nghị (Mục 1.a-b, trang 1; Mục 1.d, trang 2; Mục 3.d, trang 9) - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10)- **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10; Mục 4)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 03 kiến nghị (Mục 1.g, trang 3; Mục 1.h, trang 3; Mục 1.i, trang 3)- **Bộ Tài chính**: 04 kiến nghị (Mục 3, trừ Mục 3.d)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 24 kiến nghị (Mục 1, trừ Mục 1.e; Mục 2; Mục 4)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10)- **Bộ Tư pháp**: 03 kiến nghị (Mục 1.d, trang 2; Mục 2)- **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10)- **Bộ Xây dựng**: 03 kiến nghị (Mục 1.c, trang 1; Mục 1.e, trang 2; Mục 1.k, trang 4)- **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (Mục 3.e, trang 10) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 1.c, trang 1; Mục 1.d, trang 2)- **Nhóm 2**: 02 kiến nghị (Mục 1.b, trang 1; Mục 1.e, trang 2)- **Nhóm 3**: 05 kiến nghị (Mục 3)- **Nhóm 4**: 19 kiến nghị (Mục 1.a, trang 1; Mục 1.g, trang 3; Mục 1.h, trang 3; Mục 1.i, trang 4; Mục 1.k, trang 4; Mục 2; Mục 4)- **Nhóm 8**: 02 kiến nghị (Mục 2)- **Nhóm 10**: 01 kiến nghị (Mục 4) |  |
| **5** | **Bình Phước**(Công văn số 366/STP-PC ngày 20/4/2020 của Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; Công văn số 47/UBND-TPTH ngày 14/4/2020 của UBND Xã Thanh Bình): 07 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công thương**: 04 kiến nghị (Mục 1)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị (Công văn số 47/UBND-TPTH)
* **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục 2)
 | * **Nhóm 4**: 03 kiến nghị (Mục 2; Công văn số 47/UBND-TPTH)
* **Nhóm 9**: 04 kiến nghị (Mục 1)
 |  |
| **6** | **Bình Thuận**(Công văn số 640/STP-NV1 của Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận): 28 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (điểm a Mục 5)
* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 09 kiến nghị (Mục 1, Mục 2, Mục 7)
* **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục 9)
* **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (điểm a Mục 5)
* **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 07 kiến nghị (mục 4)
* **Bộ Tài chính**: 2 kiến nghị (Mục 3)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 03 kiến nghị (điểm a Mục 2, điểm a Mục 7)
* **Bộ Tư pháp**: 2 kiến nghị (Mục 6)
* **Bộ Y tế**: 2 kiến nghị (mục 5)
* Thanh tra Chính phủ: 6 kiến nghị (Mục 8)
 | * **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 1)
* **Nhóm 2**: 05 kiến nghị (Mục 2)
* **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (Mục 3)
* **Nhóm 4**: 07 kiến nghị (Mục 4, 7)
* **Nhóm 5**: 20 kiến nghị (Mục 5)
* **Nhóm 6**: 02 kiến nghị (Mục 6)
* **Nhóm 7**: 06 kiến nghị (Mục 8)
* **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục 9, trong đó 1 kiến nghị không liên quan đến văn bản)
 |  |
| **7** | **Cà Mau**(Công văn số 83/BC-UBND ngày 17/4/2020): 22 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 17 kiến nghị (mục 2.1 Công văn, mục 2.3 Công văn, mục 2.4 Công văn; mục 3 Công văn; mục 4 công văn)- **Bộ Tư pháp**, Bộ Tài nguyên môi trường: 1 kiến nghị (Mục 2.2 Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 4 kiến nghị (mục 1 Công văn): liên quan đến Luật Đấu giá tài sản | - **Nhóm 4**: 18 kiến nghị (mục 2-mục 4 Công văn)- **Nhóm 7**: 1 kiến nghị (mục 5 Công văn)- **Nhóm 8**: 4 kiến nghị (mục 1 Công văn) (Cục Bổ trợ tư pháp, **Bộ Tư pháp**) |  |
| **8** | **Điện Biên**(Công văn số 1229/UBND-NC ngày 29/4/2020): 13 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị (Mục 6)
* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: (Mục 4)
* **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 2 kiến nghị (Mục 3)
* **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (điểm a Mục 4 - trang 10)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 1 kiến nghị (điểm b Mục 4)
* **Bộ Tư pháp**: 1 kiến nghị (Mục 4)
* **Bộ Xây dựng**: 2 kiến nghị (Mục 1)
* **Bộ Y tế**: 1 kiến nghị(điểm c Mục 3)
* Thanh tra Chính phủ: 3 kiến nghị (Mục 2)
 | * **Nhóm 1**: 1 kiến nghị (điểm a Mục 4)
* **Nhóm 2**: 2 kiến nghị (điểm c Mục 1; điểm a Mục 4)
* **Nhóm 4**: (Mục 1, điểm b Mục 4)
* **Nhóm 5**: (Mục 3)
 |  |
| **9** | **Đồng Nai**(Công văn số 4895/UBND-THNC ngày 29/4/2020): 35 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục I.3, trang 3; Mục I.6.a, trang 8) - **Bộ Giáo dục và Đào tạo**: 01 kiến nghị (Mục I.4.b, trang 5)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 25 kiến nghị (Mục I.5.a, trang 5; Mục I.6, trang 8; Mục I.7, trang 12; Mục II.1, trang 13; Mục II.2, trang 14; Mục II.3, trang 15; Mục II.4, trang 16; Mục II.5, trang 17; Mục II. 6, trang 17; Mục II.7, trang 17; Mục II.8, trang 18; Mục II.9, trang 19; Mục II.10, trang 20; Mục II.11, trang 21; Mục III) - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục I.3.a, trang 3);- Bộ Lao động: 01 kiến nghị (Mục III) - **Bộ Nội vụ**: 03 kiến nghị (Mục I.1, trang 1)- **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục III) - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 13 kiến nghị (Mục I.5, trang 5; Mục I.6.c, trang 9; Mục II.2, trang 14; Mục II.4, trang 16; Mục II.5, trang 17; Mục II. 6, trang 17; Mục II.8, trang 18; Mục II.10, trang 20; Mục II.11, trang 21)- **Bộ Xây dựng**: 07 kiến nghị (Mục II.1, trang 13; Mục II.3, trang 15; Mục II.7, trang 17; Mục II.8, trang 18; Mục II.10, trang 20; Mục II.11, trang 21)- **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (Mục II.7, trang 17) | - **Nhóm 1**: 07 kiến nghị (Mục I.1.c, trang 2; Mục I.5.a, trang 5; Mục I.6.b, trang 9; Mục I.6.c, trang 9; Mục II.8, trang 18; Mục II.9, trang 19)- **Nhóm 2**: 20 kiến nghị (Mục I.6, trang 8; Mục I.6, trang 12; Mục II; Mục III)- **Nhóm 7**: 02 kiến nghị (Mục I.3, trang 3)- **Nhóm 4**: 08 kiến nghị (Mục I.5, trang 5; Mục I.6.c, trang 9; Mục II.2, trang 14)- **Nhóm 10**: 03 kiến nghị (Mục I.1, trang 1)- **Nhóm 11**: 07 kiến nghị (Mục I.4.b, trang 5; Mục III) |  |
| **10** | **Đồng Tháp**(Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 23/4/2020): 23 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 1 kiến nghị (Mục IV)
* **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 4 kiến nghị (Mục VI)
* **Bộ Tài chính**: Mục 3
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 2 kiến nghị (Mục I)
* **Bộ Tư pháp**: 1 kiến nghị (Mục V)
* **Bộ Xây dựng**: 3 kiến nghị (Mục II)
* **Bộ Y tế**: 1 kiến nghị (Mục III)
 | * **Nhóm 1**: 4 kiến nghị (Mục VI)
* **Nhóm 2**: 1 kiến nghị (Mục IV)
* **Nhóm 4**: 5 kiến nghị (Mục I, II)
* **Nhóm 5**: 1 kiến nghị (Mục III)
* **Nhóm 8**: 1 kiến nghị (Mục V)
 |  |
| **11** | **Gia Lai**(Công văn số 628/STP-XD&KTVB ngày 17/4/2020): 45 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 4.3, trang 9)- **Bộ Giao thông vận tải**: 03 kiến nghị (Mục 4)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị (Mục 1; Mục 2.4, 2.5 trang 5; Mục 2.6, 2.7 trang 6; Mục 3.1, trang 7; Mục 6.6, trang 12)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 03 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Tài chính**: 08 kiến nghị (Mục 2.1, 2,2 trang 3; Mục 3.3, trang 7; Mục 3.4, trang 8; Mục 4.1, trang 8; Mục 4.3, trang 9; Mục 6.2, trang 11; Mục 7.3, trang 21)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 28 kiến nghị (Mục 1.2, trang 1; Mục 1.3, trang 2; Mục 2.3, trang 4; Mục 3.2, trang 7; Mục 6; Mục 7.1, 7.3 trang 21)- **Bộ Tư pháp**: 04 kiến nghị (Mục 7)- **Bộ Xây dựng**: 05 kiến nghị (Mục 1.4, trang 2; Mục 3) | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục 2.4-2.7, trang 5; Mục 4.1, trang 8)- **Nhóm 2**: 09 kiến nghị (Mục 1; Mục 2.3, trang 4; Mục 3.1, 3.2 trang 7)- **Nhóm 3**: 06 kiến nghị (Mục 2.1, 2.2 trang 3; Mục 3.3, trang 7; Mục 3.4, trang 8; Mục 4.1, trang 8; Mục 4.3, trang 9)- **Nhóm 4**: 28 kiến nghị (Mục 1.2, trang 1; Mục 1.3, trang 2; Mục 2.3, trang 4; Mục 3.2, trang 7; Mục 6; Mục 7.1, 7.3 trang 21)- **Nhóm 5**: 03 kiến nghị (Mục 5)- **Nhóm 8**: 04 kiến nghị (Mục 7) |  |
| **12** | **Hà Tĩnh**(Công văn số 2077/UBND-NC1 ngày 03/4/2020): 44 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục VII.1, trang 18; Mục VII.3, VII.4 trang 19)- **Bộ Giao thông vận tải**: 03 kiến nghị (Mục III.3, trang 9; Mục VI.2, trang 18; Mục VII.5, trang 20)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 20 kiến nghị (Mục I; Mục II; Mục IV.11, trang 14; Mục VII.2, VII.3, VII.4 trang 19)**- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:** 01 kiến nghị (Mục V, trang 17)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 03 kiến nghị (Mục III.1, III.2 trang 8; Mục IV.9, trang 13)- **Bộ Quốc phòng**: 01 kiến nghị (Mục VI.1, trang 18) - **Bộ Tài chính**: 07 kiến nghị (Mục III; Mục IV.6, trang 12; Mục VI; Mục VII.6, trang 20)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 27 kiến nghị (Mục II.1, II.2 trang 2; Mục II.4, trang 4; Mục II.5, trang 5; Mục II.7, trang 6; Mục IV)- **Bộ Tư pháp**: 01 kiến nghị (Mục VII.6, trang 20)- Bộ Văn hóa, thể thảo và du lịch: 01 kiến nghị (Mục IV.18, trang 17)- **Bộ Xây dựng**: 06 kiến nghị- Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 01 kiến nghị (Mục I.2, trang 1) | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục I, trang 1; Mục VII.1; Mục VII.5)- **Nhóm 2**: 16 kiến nghị (Mục II, trang 2; Mục VII.2-4, trang 19)- **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục III, trang 8; Mục VII.6, trang 20)- **Nhóm 4**: 27 kiến nghị (Mục II.1, II.2 trang 2; Mục II.4, trang 4; Mục II.5, trang 5; Mục II.7, trang 6; Mục IV)- **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục V, trang 17)- **Nhóm 7**: 02 kiến nghị (Mục VI, trang 18) |  |
| **13** | **Hậu Giang**(Công văn Số: 540/STP-XD&KTVBQPPL ngày 17 tháng 4 năm 2020): 29 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 4 kiến nghị (trang 4, 5, 6 Mục 2 Công văn)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Xây dựng**: 2 kiến nghị (trang 3, trang 6-7 Mục 2 Công văn) - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (trang 4 Mục 2 Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 7 kiến nghị (Mục 1 Công văn)- **Bộ Tư pháp**, **Bộ Công thương**: 1 kiến nghị (trang 8 Mục 4 Công văn)- **Bộ Tư pháp**, **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (trang 9 Mục 4 Công văn)- **Bộ Tư pháp**, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 1 kiến nghị (trang 9 Mục 4 Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 7 kiến nghị (trang 8-9 Mục 4 Công văn, Mục 5 Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 4 kiến nghị (Mục 3 Công văn) | - **Nhóm 2**: 8 kiến nghị (trang 3, 4, 5, 6 Mục 2 Công văn)- **Nhóm 4**: 7 kiến nghị (Mục 1 Công văn)- **Nhóm 6**: 6 kiến nghị (Mục 5 Công văn)- **Nhóm 8**: 4 kiến nghị (Mục 4 Công văn) |  |
| **14** | **Khánh Hòa**(Công văn số 34/BC-STP ngày 17/4/2020): 41 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công thương**: 2 kiến nghị (Mục 1 – trang 1; Mục 7
* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 8 kiến nghị (Mục 1-trang 2; Mục 2-trang 4, 5, 6, 8; Mục 3)
* **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 8 kiến nghị (Mục 6)
* **Bộ Tài chính**: 11 kiến nghị (Muc 3, 4)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 5 kiến nghị (Mục 2-trang 7; Mục 5 )
* **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 4 kiến nghị (Mục 1-trang 2, 3, 4)
* **Bộ Xây dựng**: (Mục 2-trang 6
 | * **Nhóm 1**: 6 kiến nghị (Mục 1)
* **Nhóm 2**: 9 kiến nghị (Mục 2)
* **Nhóm 3**: 11 kiến nghị (Mục 3, 4)
* **Nhóm 4**: 4 kiến nghị (Mục 5)
* **Nhóm 5**: 8 kiến nghị (Mục 6)
* **Nhóm 7**: 1 kiến nghị (Mục 7)
* **Nhóm 8**: 1 kiến nghị (Mục 8): không kiến nghị về văn bản
* **Nhóm 9**: 1 kiến nghị (**Nhóm 9**)
 | Nhóm khác: 6 kiến nghị |
| **15** | **Lai Châu**(Công văn số 318/STP-XDKT&THPL ngày 20/4/2020): 48 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 6.j, trang 15)- **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục 4.e, trang 5; Mục 6.b, trang 12)- **Bộ Giáo dục và Đào tạo**: 01 kiến nghị (Mục 5.d, trang 11)- **Bộ Giao thông vận tải**: 02 kiến nghị (Mục 4.c, trang 4; Mục 6.l, trang 16)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị (Mục 1.b, trang 1; Mục 1.c, trang 2; Mục 2; Mục 4.g, trang 5; Mục 4.i, trang 6; Mục 5.a, 5.b, 5.c trang 10)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục 6.d, trang 12)- **Bộ Nội vụ**: 05 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 08 kiến nghị (Mục 3.h, trang 5; Mục 3.k, trang 7; Mục 3.l, cuối trang 9; Mục 5.d, trang 11; Mục 6.d, trang 12; Mục 6.đ, 6.e trang 14; Mục 6.k, trang 15) - **Bộ Tài chính**: 03 kiến nghị (Mục 3; Mục 4.d, trang 4; Mục 4.l, cuối trang 8)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 28 kiến nghị (Mục 1.a, 1.b trang 1; Mục 2.c, 2.d trang 2; Mục 3; Mục 4.đ, trang 4; Mục 4.e, 4.g, 4.h trang 5; Mục 4.i, trang 6; Mục 4.k, 4.l trang 7; Mục 5, trừ 5.đ; Mục 6.c, trang 12; Mục 6.g, trang 14) - **Bộ Tư pháp**: 03 kiến nghị (Mục 6.h, 6.i, 6.j trang 15)- **Bộ Xây dựng**: 07 kiến nghị (Mục 1.a, trang 1; Mục 1.c, trang 2; Mục 4.a, trang 3; Mục 4.b, 4.d, trang 4; Mục 4.j, trang 6; Mục 6.g, trang 14) | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục 1.a, trang 1; Mục 6.b, trang 12; Mục 6.đ, 6.e, 6.g trang 14)- **Nhóm 2**: 06 kiến nghị (Mục 1.b, trang 1; Mục 1.c, trang 2; Mục 2)- **Nhóm 3**: 03 kiến nghị (Mục 3; Mục 4.d, trang 4; Mục 4.l, cuối trang 8)- **Nhóm 4**: 24 kiến nghị (Mục 4)- **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục 6.d, trang 12)- **Nhóm 10**: 05 kiến nghị (Mục 5) |  |
| **16** | **Lâm Đồng** (Công văn Số: 69/BC- STP ngày 17 tháng 4 năm 2020): 56 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 2 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị trang 12 Mục 7)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị (Mục 7)- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 8 kiến nghị (Mục 3)- **Bộ Nội vụ**, **Bộ Y tế**: 5 kiến nghị (trang 6, 7 Mục 4)- **Bộ Nội vụ**: 3 kiến nghị (Mục 2)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 2 kiến nghị (Mục 6; trang 13 Mục 8)- **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (trang 12 Mục 8)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (trang 13, 14 Mục 9; trang 15 Mục 9)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 7 kiên nghị (Mục 9)- **Bộ Tư pháp**: 2 kiến nghị (Mục 1) (Bổ trợ tư pháp)- **Bộ Xây dựng**: 3 kiến nghị (trang 12-13 Mục 8)- **Bộ Y tế**: 8 kiến nghị (Mục 4)- Thanh tra Chính phủ: 1 kiến nghị (trang 8 Mục 4) | **Nhóm 2**: 12 kiến nghị (Mục 7)**Nhóm 4**: 9 kiến nghị (Mục 9)**Nhóm 5**: 8 kiến nghị (Mục 3)**Nhóm 8**: 2 kiến nghị (Mục 1) (Bổ trợ tư pháp)**Nhóm 10**: 3 kiến nghị (Mục 2) | Các Bộ, cơ quan ngang Bộ lưu ý xem thêm ”Mục II. Đề xuất hướng hoàn thiện” tại Công văn |
| **17** | **Lạng Sơn**(Công văn số 415/UBND-NC ngày 24/4/2020 ): 72 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Công thương**: 6 kiến nghị (trang 27-29 Mục 11 Phụ lục)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 2 kiến nghị (trang 3 Mục 2 Phụ lục; trang 9 Mục 4 Phụ lục)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 8 kiến nghị (Mục 1, Mục 2 Phụ lục kèm Công văn; trang 30 mục 11 Phụ lục)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 4 kiến nghị (trang 30, 31 Mục 11 Phụ lục)- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 2 kiến nghị (Mục 5 Phụ lục)- **Bộ Tài chính**, Ngân hàng nhà nước: 1 kiến nghị (Mục 10 Phụ lục)- **Bộ Tài chính**: 8 kiến nghị (Mục 3 Phụ lục, trang 14 Mục 4 Phụ lục; trang 29-30 Mục 11 Phụ lục; trang 31-32 Mục 11 Phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (trang 5 Mục 4 Phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, Thanh tra Chính phủ: 1 kiến nghị (trang 9 Mục 4 Phụ lục)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 16 kiến nghị (Mục 4 Phụ lục)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 4 kiến nghị (Mục 8, 9 Phụ lục)- **Bộ Tư pháp**: 5 kiến nghị (Mục 7 Phụ lục) (Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực; Vụ Pháp luật hình sự - hành chính)- **Bộ Xây dựng**: 11 kiến nghị (trang 15-21 Mục 4 Phụ lục)- **Bộ Y tế**, **Bộ Công thương**: 1 kiến nghị (trang 27 Mục 11 Phụ lục)- **Thanh tra Chính phủ**: 2 kiến nghị (Mục 6 Phụ lục) | - **Nhóm 1**: 2 kiến nghị (Mục 1 Phụ lục)- **Nhóm 2**: 6 kiến nghị (Mục 3 Phụ lục)- **Nhóm 3**: 3 kiến nghị (Mục 3 Phụ lục)- **Nhóm 4**: 31 kiến nghị (Mục 4 Phụ lục)- **Nhóm 5**: 2 kiến nghị (Mục 5 Phụ lục)- **Nhóm 7**: 1 kiến nghị (Mục 6 Phụ lục) - **Nhóm 8**: 5 kiến nghị (Mục 7 Phụ lục)- **Nhóm 9**: 3 kiến nghị (Mục 8 Phụ lục)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị (Mục 9 Phụ lục)- **Nhóm 11**: 1 kiến nghị (Mục 10 Phụ lục) |  |
| **18**  | **Nam Định**(Công văn số 76/BC-STP): 60 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 17 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II, Mục IV, Mục V, Mục VII của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 17 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II của Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 04 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II, Mục III của Công văn)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 14 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III, Mục VIII của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 02 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III, Mục IV của Công văn)- Bộ Giáo dục và Đào tạo: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VII, Mục VIII của Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VII của Công văn)- **Thanh tra Chính phủ**: 01 kiến nghị, phản ánh (tại Mục V của Công văn)**- Kiểm toán nhà nước**: 01 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VIII của Công văn) | - **Nhóm 1**: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV, Mục VIII của Công văn)- **Nhóm 2**: 13 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II của Công văn)- **Nhóm 3**: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV, Mục VIII của Công văn)- **Nhóm 4**: 17 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn)- **Nhóm 5**: 13 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III của Công văn)- **Nhóm 6**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn)- **Nhóm 8**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn) | Thông tư 16/2015/TT-BKHĐTThông tư 33/2017/TT-BTNMTThông tư 30/2014/TT-BTNMTThông tư 24/2014/TT-BTNMTThông tư 02/2015/TT-BTNMTThông tư 24/2014/TT-BTNMTThông tư 332/2016/TT-BTCThông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTPThông tư 59/2018/TT-BTCThông tư 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 |
| **19** | **Ninh Bình**(Công văn số 68/BC-STP ngày 20/4/2020): 27 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị (Mục 2.đ, trang 4)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 08 kiến nghị (Mục 1; Mục 2; Mục 6.b, trang 12)- **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (Mục 6)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 02 kiến nghị (Mục 1.b, trang 1; Mục 3.b, trang 6)- **Bộ Tài chính**: 03 kiến nghị (Mục 3; Mục 5.c, trang 11)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục 3; Mục 4) - **Bộ Tư pháp**: 02 kiến nghị (Mục 6)- Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch: 03 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Xây dựng**: 04 kiến nghị (Mục 2.b, trang2; Mục 2.c, 2.đ trang 3; Mục 6.b, trang 12)- **Bộ Y tế**: 02 kiến nghị (Mục 1.b, trang 1; Mục 6.b, trang 12) | - **Nhóm 1**: 03 kiến nghị (Mục 1)- **Nhóm 2**: 10 kiến nghị (Mục 2)- **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (Mục 3)- **Nhóm 4**: 10 kiến nghị (Mục 4)- **Nhóm 10**: 03 kiến nghị (Mục 6) |  |
| **20** | **Quảng Ngãi** (Công văn số 450 /STP-VBPQ): 73 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 19 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1; Mục 2a, 2b, 2c, 2d; Mục 3a, 3b, 3c; Mục 4 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Tài chính**: 4 kiến nghị, phản ảnh (tại Mục 1; Mục 2a, 2b; Mục 4 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 12 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2c, Mục 4, Mục 7 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 27 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3a, 3b, 3c của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 10 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3b, 3c, 3d; Mục 4 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Công thương**: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 4, Mục 7 của Phụ lục)- Thanh tra Chính phủ: 20 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5, Mục 6, Mục 7 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Phụ lục kèm theo Công văn)- Kiểm toán nhà nước: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 6 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 6 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Bộ Giao thông vận tải**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 7 của Phụ lục kèm theo Công văn) | - **Nhóm 1**: 1 kiến nghị, phản ảnh (tại Mục 1 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Nhóm 2**: 18 kiến nghị, phản ảnh (tại Mục 3 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Nhóm 3**: 3 kiến nghị, phản ảnh (tại Mục 2 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Nhóm 4**: 31 kiến nghị, phản ảnh (tại Mục 3 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Nhóm 5**: 11 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2c, Mục 4 của Phụ lục kèm theo Công văn)- **Nhóm 10**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 6 của Phụ lục kèm theo Công văn) |  |
| **21** | **Quảng Trị**(Công văn số 1744/UBND-NC ngày 21/4/2020 ): 67 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 10 kiến nghị (khoản 1, 2, 5, 6 mục VIII)- Bộ Giáo dục và Đào tạo: 2 kiến nghị (mục VI)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 1 kiến nghị (điểm b khoản 4 mục II)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị (điểm a khoản 4 mục II; Mục V; khoản 4 mục VIII)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 3 kiến nghị (mục IV)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 15 kiến nghị (mục II)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (khoản 1 mục IX)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 16 kiến nghị (mục IX)- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 3 kiến nghị (mục VII)- **Bộ Xây dựng**: 4 kiến nghị (mục I Công văn)- Thanh tra Chính phủ: 1 kiến nghị (khoản 10 mục IX) | **Nhóm 1**: 14 kiến nghị (mục VIII)- **Nhóm 2**: 10 kiến nghị (mục V; khoản 2 mục VI)- **Nhóm 4**: 33 kiến nghị (mục I, II, IX Công văn)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị (khoản 1 mục VI) |  |
| **22** | **Ninh Thuận** (Công văn số 734/BC-STP): 43 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 18 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II, Mục III của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 21 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II của Công văn)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục III, Mục V, Mục VI của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 5 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục IV, Mục V, Mục VII của Công văn)- **Bộ Công thương**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV của Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VI của Công văn)- Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV của Công văn) | - **Nhóm 1**: 9 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III của Công văn)- **Nhóm 2**: 8 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I của Công văn)- **Nhóm 4**: 13 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I của Công văn) | Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTPThông tư số 33/2017/TT-BTNMTThông tư 24/2014/TT-BTNMTThông tư số 25/2019/TT-BTNMTThông tư 19/2014/TT-NHNN |
| **23** | **Long An**(Công văn số 1050/BC-STP): 71 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 16kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1 của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 18 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 5, Mục 7, Mục 8, Mục 11 của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 19 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3, Mục 4, Mục 6 của Công văn)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3, Mục 4 của Công văn)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Công văn)- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 6 của Công văn)- Bộ Giáo dục và Đào tạo: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 8 của Công văn)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 10 của Công văn)- Thanh tra Chính phủ: 5 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5, Mục 9 của Công văn)- Tòa án nhân dân tối cao: 10 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2 của Công văn) | - **Nhóm 1**:2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3, Mục 4 của Công văn)- **Nhóm 3**:18 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3, Mục 4 của Công văn)- **Nhóm 4**:16 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1 của Công văn)- **Nhóm 6**:11 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2 của Công văn)- **Nhóm 8**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 11 của Công văn) | Thông tư 23/2014/TT-BTNMTThông tư số 219/2013/TT-BTCThông tư số 38/2010/TT-BTCThông tư số 130/2016/TT-BTCThông tư số 156/2013/TT-BTC Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNTThông tư số 28/2014/TT-BVHTTDLThông tư số 08/2000/TT-BVHTT |
| **24** | **Quảng Ninh**(Công văn số 74/BC-STP ngày 17/4/2020): 121 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Công thương**, Bộ Khoa học Công nghệ: 1 kiến nghị (khoản 2.1 mục III)- **Bộ Công thương**: 9 kiến nghị (khoản 9 mục II, khoản 10 mục II, khoản 11 mục II; khoản 2.5 mục III)- **Bộ Giao thông vận tải**: 1 kiến nghị (mục VIII)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 9 kiến nghị (khoản 2 mục II, khoản 3 mục II)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, **Bộ Xây dựng**, **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 8 kiến nghị (khoản 1 mục II)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 3 kiến nghị (mục IX)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 8 kiến nghị (khoản 7, khoản 8 mục II, khoản 13 mục II)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**, **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (khoản 2.3 mục III)- **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 2 kiến nghị (khoản 3 mục III) + 16 kiến nghị (mục V)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 5 kiến nghị (mục IV)- **Bộ Tài chính**, Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1 kiến nghị (trang 6-7 khoản 1.1 mục I)- **Bộ Tài chính**, **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 1 kiến nghị (khoản 4 mục I)- **Bộ Tài chính**, **Bộ Y tế**: 1 kiến nghị (trang 6 khoản 1.1 mục I)- **Bộ Tài chính**: 11 kiến nghị (trang 1-6 khoản 1.1 mục I; khoản 2, khoản 5 mục I; trang 27 khoản 13 mục II)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 11 kiến nghị (khoản 3, khoản 6 mục I; khoản 4 mục II, trang 24 khoản 9 mục II, khoản 12 mục II)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 3 kiến nghị (trang 42, 43)- **Bộ Tư pháp** (Cục Bổ trợ tư pháp): 2 kiến nghị (khoản 1.1 mục VI)- **Bộ Xây dựng**: 6 kiến nghị (khoản 5, khoản 6 mục II)- **Bộ Y tế**, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 1 kiến nghị (khoản 2.4 mục III)- **Bộ Y tế**: 3 kiến nghị (khoản 14 mục II; khoản 2.2 mục III) - Thanh tra Chính phủ: 5 kiến nghị (khoản 1 mục III)- Tòa án nhân dân tối cao: 1 kiến nghị (trang 43 khoản 2.3 mục VI)(Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực): 1 kiến nghị (trang 43)(Tổng cục thi hành án): 2 kiến nghị (khoản 1.2 mục VI)(Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế): 8 kiến nghị (khoản 2.2, 2.3 mục VI)(Vụ Pháp luật hình sự - hành chính): 1 kiến nghị (trang 41 khoản 2.3 mục VI) | - **Nhóm 1**: 14 kiến nghị (mục IX, khoản 2.2, 2.3 mục VI) - **Nhóm 2**: 8 kiến nghị (khoản 7, khoản 8 mục II, khoản 13 mục II)- **Nhóm 3**: 15 kiến nghị (mục I) - **Nhóm 4**: 34 kiến nghị (khoản 3, khoản 6 mục I; khoản 4 mục II, trang 24 khoản 9 mục II, khoản 12 mục II; khoản 1 mục II; khoản 2 mục II, khoản 3 mục II; khoản 5, khoản 6 mục II)- **Nhóm 5**: 18 kiến nghị (khoản 3 mục III; mục V)- **Nhóm 7**: 5 kiến nghị (khoản 2 mục III)- **Nhóm 8**: 2 kiến nghị (khoản 1.1 mục VI)- **Nhóm 9**: 5 kiến nghị (mục VII)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị (mục VIII) | Lưu ý các **Bộ Tài chính**, **Bộ Y tế**: xem thêm ”mục 1.2: đề xuất, kiến nghị” |
| **25** | **Sóc Trăng**(Công văn số 608/UBND-NC ngày 20/4/2020): 47 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục 4)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị (Mục 1; Mục 2; Mục 4)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 07 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Tài chính**: 02 kiến nghị (Mục 1.1, trang 1; Mục 6)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 29 kiến nghị (Mục 4; Mục 6)- **Bộ Tư pháp**: 03 kiến nghị (Mục 6)- **Bộ Xây dựng**: 03 kiến nghị (Mục 1.1, trang 1; Mục 6) | - **Nhóm 1**: 06 kiến nghị (Mục 2; Mục 4.2, trang 12)- **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục 2, cuối trang 3)- **Nhóm 4**: 29 kiến nghị (Mục 1.a, trang 1; Mục 4; Mục 6)- **Nhóm 7**: 07 kiến nghị (Mục 5)- **Nhóm 8**: 03 kiến nghị (Mục 6) |  |
| **26** | **Trà Vinh**(Công văn số 732/BC-STP ngày 21/4/2020): 23 kiến nghị, phản ánh  | - Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 05 kiến nghị (Mục 1)- **Bộ Y tế**: 04 kiến nghị (Mục 2)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 02 kiến nghị (Mục 2; Mục 3)- **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (Mục 2; Mục 5, trang 10)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 07 kiến nghị (Mục 4)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục 5, trang 8)- **Bộ Công thương**: 06 kiến nghị (Mục 5)- **Bộ Tài chính**: 03 kiến nghị (Mục 5) | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục 5)- **Nhóm 4**: 07 kiến nghị (Mục 4)- **Nhóm 5**: 05 kiến nghị (Mục 1)- **Nhóm 7**: 05 kiến nghị (Mục 2)- **Nhóm 10**: 01 kiến nghị (Mục 3) |  |
| **27** | **Tuyên Quang** (Công văn số 61/BC-UBND): 22 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I, Mục II của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 7 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV, Mục VI của Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 7 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV, Mục VI của Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục V của Công văn)- **Bộ Nội vụ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VII của Công văn) | - **Nhóm 1**:1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục I của Công văn)- **Nhóm 2**:3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II của Công văn)- **Nhóm 3**:4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục III của Công văn)- **Nhóm 4**:6 kiến nghị, phản ánh (tại Mục IV của Công văn)- **Nhóm 8**: 6 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VI của Công văn)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục VII của Công văn) |  |
| **28** | **Thái Bình**(Công văn số 67/BC-STP ngày 27/4/2020): 56 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Xây dựng**: 12 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 2, Mục 4 của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 2, Mục 3 của Công văn)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 13 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2 của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 27 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 3, Mục 4 của Công văn)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 5 của Công văn)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2 của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 4 của Công văn)- Thanh tra Chính phủ: 5 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Công văn) | - **Nhóm 1**:1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1 của Công văn)- **Nhóm 2**:11 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 4 của Công văn)- **Nhóm 3**:2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3 của Công văn)- **Nhóm 4**:26 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 4 của Công văn)- **Nhóm 10**:1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 4 của Công văn) |  |
| **29** | **Phú Yên**(Công văn số 2051/UBND-NC ngày 21/4/2020): 58 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục X.1, cuối trang 19)- **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục IV.1, trang 11)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 04 kiến nghị (Mục II.1)- **Bộ Tài chính**: 26 kiến nghị (Mục III.1; Mục VII.1)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 10 kiến nghị (Mục III.1, đầu trang 4; Mục IV.1; Mục X.1, trang 19)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 02 kiến nghị (Mục III.1, trang 5; Mục X.1, trang 19)- **Bộ Giao thông vận tải**: 01 kiến nghị (Mục IV.1, trang 11)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục VII.1, trang 14)- **Bộ Nội vụ**: 02 kiến nghị (Mục VII.1, trang 15; Mục X.1, trang 19)- **Bộ Tư pháp**: 10 kiến nghị (Mục VII.1, trang 14; Mục X.1, trang 18)- Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch: 01 kiến nghị (Mục VII.1, trang 14) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục I.1, trang 1)- **Nhóm 2**: 04 kiến nghị (Mục II.1, trang 2)- **Nhóm 3**: 21 kiến nghị (Mục III.1, trang 3)- **Nhóm 4**: 10 kiến nghị (Mục IV.1, trang 11)- **Nhóm 6**: 01 kiến nghị (Mục IV.1, trang 13)- **Nhóm 7**: 09 kiến nghị (Mục VII.1, trang 14)- **Nhóm 8**: 09 kiến nghị (Mục VIII.1, trang 16)- **Nhóm 10**: 03 kiến nghị (Mục X.1, trang 18) |  |
| **30** | **Hải Phòng** (Công văn số 90/BC-UBND): 135 kiến nghị, phản ánh  | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 27 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 2, Mục 3 của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 27 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 3, Mục 4 của Công văn)- **Bộ Công thương**: 8 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 2, Mục 7 của Công văn)- **Bộ Tài chính**: 12 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3 của Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 4 của Công văn)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 44 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Công văn)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 4 của Công văn)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 7 của Công văn)- Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1, Mục 7 của Công văn)- **Bộ Tư pháp**: 17 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5, Mục 7, Mục 8, Mục 11 của Công văn) | - **Nhóm 1**:10 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 1 của Công văn)- **Nhóm 2**:25 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 3 của Công văn)- **Nhóm 3**: **2**2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 3 của Công văn)- **Nhóm 4**:9 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 2, Mục 3 của Công văn)- **Nhóm 5**:44 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 5 của Công văn)- **Nhóm 8**: 7 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 8, Mục 11 của Công văn)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục 10 của Công văn) |  |
| **31** | **Hòa Bình** (Công văn số 105/BC-UBND): 21 kiến nghị, phản ánh  | - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.1, Mục II.6 của Công văn)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 11 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.3, Mục II.4, Mục II.6, Mục II.7, Mục II.8 của Công văn)- **Bộ Công thương**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.5 của Công văn)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 5 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.6 của Công văn)- **Bộ Xây dựng**: 2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.6 của Công văn)- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 4 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.8 của Công văn) | - **Nhóm 1**:2 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.5 của Công văn)- **Nhóm 2**:10 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.2, Mục II.6, Mục II.7, Mục II.8 của Công văn)- **Nhóm 5**:3 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.8 của Công văn)- **Nhóm 10**:1 kiến nghị, phản ánh (tại Mục II.3 của Công văn) |  |
| **32** | **Phú Thọ**(Công văn số 58/BC-UBND ngày 20/4/2020): 34 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục VIII)- **Bộ Giao thông vận tải**: 01 kiến nghị (Mục IV.2, trang 4)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 09 kiến nghị: Mục I; Mục III., trang 3; Mục V.1, trang 5; Mục IX.2.c, trang 9; Mục XIV.1, trang 13)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 01 kiến nghị (Mục XI)- **Bộ Nội vụ**: 03 kiến nghị (Mục VIII.2, trang 8; Mục XIV)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 03 kiến nghị (Mục II.2, trang 3; Mục VII.2, VII.3 trang 7)- **Bộ Tài chính**: 08 kiến nghị (Mục IV.1, trang 4; Mục V; Mục VII.1, trang 6; Mục VII.2, trang 7; Mục IX.2.a, trang 9; Mục IX.2.d, trang 10; Mục X.2, trang 11; Mục XIV.1, trang 13)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 08 kiến nghị (Mục I.4, trang 2; Mục II; Mục III; Mục IV)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 03 kiến nghị (Mục X; Mục XIII)- **Bộ Tư pháp**: 10 kiến nghị (Mục IX; Mục XII; Mục XIV.2, trang 14; Mục XV)- **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục VI) | - **Nhóm 1**: 03 kiến nghị (Mục VIII; Mục IX.2.c, trang 9; Mục X.1, trang 11)- **Nhóm 2**: 05 kiến nghị (Mục I)- **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục V; Mục VII)- **Nhóm 4**: 08 kiến nghị (Mục II; Mục III; Mục IV; Mục VI)- **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục XI)- **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục VIII.2, trang 8)- **Nhóm 8**: 10 kiến nghị (Mục IX; Mục XII; Mục XIV.2, trang 14; Mục XV)- **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục VIII.2.c, trang 9; Mục XIII)- **Nhóm 10**: 04 kiến nghị (Mục XIV)  |  |
| **33** | **Vĩnh Phúc**(Công văn số 3108/UBND-NC2 ngày 27/4/2020): 57 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục X.1, trang 65)- **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục II.25.a, trang 23; Mục II.25.b, trang 24) - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 34 kiến nghị- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 15 kiến nghị (Mục IX, trừ Mục IX.3)- **Bộ Tài chính**: 05 kiến nghị (Mục II.1, trang 3; Mục III.9, trang 39; Mục XII)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 31 (Mục III, trừ III.9; Mục IV; Mục V; Mục VI) - **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 12 kiến nghị (Mục II.23, trang 19; Mục X.2, trang 66; Mục XI)- **Bộ Tư pháp**: 10 kiến nghị (Mục I; Mục IX.3, trang 59; Mục XIII.2, XIII.3 trang 71)- **Bộ Xây dựng**: 08 kiến nghị (Mục II.2, trang 2; Mục II.10, trang 10; Mục II.13, trang 12; Mục II.17-21, trang 15; - Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 01 kiến nghị (Mục II.24, trang 19) | - **Nhóm 1**: 11 kiến nghị (Mục II.1, trang 3; Mục II. 10, trang 10; Mục II.24, trang 19; Mục VIII; Mục IX.1, trang 55; Mục IX.2.d, trang 59)- **Nhóm 2**: 30 kiến nghị (Mục II, trừ II.1, II.10, II.14, II.18, II.20, II.25; II.26, II.29 II.31)- **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục III.9, trang 39; Mục XII)- **Nhóm 4**: 38 kiến nghị (Mục III, trừ III.9; Mục IV; Mục V; Mục VI; Mục VII) - **Nhóm 6**: 03 kiến nghị (Mục VII.7, trang 51; Mục XIII) - **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục X.1, trang 65)- **Nhóm 8**: 04 kiến nghị (Mục IX.3, trang 59)- **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục XI)- **Nhóm 11**: 09 kiến nghị (Mục X.2, trang 66; Mục XI.1, trang 68)  |  |
|  | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc: 33 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 33 kiến nghị | - **Nhóm 4**: 31 kiến nghị (Mục I, II, III, IV)- **Nhóm 7**: 02 kiến nghị (Mục V, trang 12)  |  |
|  | **Ban Quản lý dự án sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh Vĩnh Phúc**(Công văn số 194/VPMO-HCTM ngày 15/4/2020): 05 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 05 kiến nghị | - **Nhóm 2**: 05 kiến nghị- **Nhóm 6**: 01 kiến nghị (Mục 2.4, trang 3) |  |
| **34** | **Cao Bằng** (Công văn số 1022/BC-UBND ngày 22/4/2020 ): 41 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (khoản 1 mục II)- **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (khoản 3 mục II)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Tư pháp** (Cục Bổ trợ tư pháp): 8 kiến nghị (trang 7-12 khoản 2.1.2 mục II)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 28 kiến nghị (trang 2- 7 khoản 2 mục II, khoản 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 mục II)- **Bộ Tư pháp** (cục Bổ trợ tư pháp): 2 kiến nghị (khoản 4 mục II) | - **Nhóm 2**: 2 kiến nghị (khoản 1 mục II)- **Nhóm 3**: 1 kiến nghị (khoản 3 mục II)- **Nhóm 4**: 27 kiến nghị (trang 2- 7 khoản 2 mục II, khoản 2.3, 2.4, 2.5 mục II)- **Nhóm 8**: 10 kiến nghị (Cục Bổ trợ tư pháp) (trang 7-12 khoản 2.1.2 mục II, khoản 4 mục II) |  |
| **35** | **Hà Nam**(Công văn số 34/BC- STP ngày 23/4/2020): 17 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 04 kiến nghị (Mục II) - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 02 kiến nghị (Mục IV; Mục V)- **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục IX.5, trang 8)- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 01 kiến nghị (Mục IX.3, trang 8)- **Bộ Giao thông vận tải**: 01 kiến nghị (Mục VII)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị (Mục II.2, trang 2)- **Bộ Tư pháp**: 02 kiến nghị (Mục I)- **Bộ Xây dựng**: 08 kiến nghị (Mục I; Mục IX) | - **Nhóm 1**: 05 kiến nghị (Mục II; Mục V)- **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục IV)- **Nhóm 4**: 08 kiến nghị (Mục III; Mục IX)- **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục II.3, trang 3)- **Nhóm 8**: 02 kiến nghị (Mục I) |  |
| **36** | **Hải Dương (bản giấy) –** **(**Công văn số 42/BC-UBND): 79 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Nội vụ**, **Bộ Tư pháp** (Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật): 7 kiến nghị (mục 4.3)- **Bộ Giao thông vận tải**: 5 kiến nghị (mục 7.1)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 8 kiến nghị (mục 2)- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 24 kiến nghị (mục 4.1, 4.2)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 4 kiến nghị (mục 3.1)- **Bộ Tài chính**: 2 kiến nghị (mục 7.3, 7.4)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 7 kiến nghị (mục 3.2, mục 6)- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 5 kiến nghị (mục 7.2, 7.3)- **Bộ Tư pháp** (Cục Bổ trợ tư pháp): 13 kiến nghị (mục 5)- **Bộ Tư pháp** (Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật): 1 kiến nghị (trang 14, 15 mục 4.4)- **Bộ Tư pháp** (Cục Trợ giúp pháp lý): 2 kiến nghị (mục 1) **- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 1 kiến nghị (trang 15 mục 4.4)  | - **Nhóm 1**: 2 kiến nghị (mục 1)- **Nhóm 2**: 8 kiến nghị (mục 2)- **Nhóm 3**: 10 kiến nghị (mục 3)- **Nhóm 5**: 33 kiến nghị (mục 4)- **Nhóm 8**: 13 kiến nghị (mục 5)- **Nhóm 10**: 1 kiến nghị (mục 6)- **Nhóm 11**: 2 kiến nghị (mục 7.2) |  |
| **37** | **Yên Bái** (Công văn số 55/BC-UBND ngày 17/4/2020): 79 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 03 kiến nghị (Mục II.12, trang 13; Mục VI)- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 06 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục I.3, trang 3; Mục I.19, trang 9; Mục II.4, trang 11; Mục XIV.5, trang 22; Mục XVII)- **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục II.11, trang 13)- Bộ Lao động, thương binh và xã hội: 01 kiến nghị (Mục V.3, trang 25)- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục II.23, trang 16)- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 04 kiến nghị (Mục II.12, trang 13; Mục II.23, trang 16; Mục XVIII)- **Bộ Tài chính**: 07 kiến nghị (Mục I.9, trang 5; Mục I.21, trang 10; Mục III.8, trang 20; Mục XIV.4, XIV.5 trang 50; Mục XV)- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 57 kiến nghị- **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 02 kiến nghị (Mục XIII)- **Bộ Tư pháp**: 17 kiến nghị (Mục I.17, trang 8; Mục IV; Mục V; Mục VIII; Mục XII)- **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 02 kiến nghị (Mục VI)- **Bộ Xây dựng**: 04 kiến nghị (Mục I.2, trang 2; Mục I.5, trang 3; Mục I.16, trang 8; Mục II.12, trang 13)- **Bộ Y tế**: 05 kiến nghị (Mục VII; Mục IX.B.1, trang 36; Mục IX.B.4, trang 37)- **Ủy ban dân tộc** : 01 kiến nghị (Mục XVI)- **Văn phòng Chính phủ**: 04 kiến nghị (Mục IX.A, trang 34) | - **Nhóm 1**: 17 kiến nghị (trang 22; Mục VI; Mục VII.1, trang 27, Mục VII.3, trang 29; Mục X; Mục XIII; Mục XVII; Mục XVIII.2, trang 54)- **Nhóm 2**: 05 kiến nghị (Mục XIV)- **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (Mục XV)- **Nhóm 4**: 64 kiến nghị- **Nhóm 6**: 01 kiến nghị (Mục V.3, trang 25)- **Nhóm 7**: 05 kiến nghị (Mục IX.B, trang 36; Mục XVIII.1, trang 54)- **Nhóm 8**: 10 kiến nghị (Mục IV; Mục V)- **Nhóm 11**: 03 kiến nghị (Mục VII.4-6, trang 30; Mục VII.7, trang 31)  |  |
| **Tổng III: 1782 kiến nghị** |
| **IV. CÁ NHÂN** |
|  | **Nguyễn Ngọc Sơn:** 01kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị | **Nhóm 4**: 01 kiến nghị |  |
|  | **Lê Hồng Cường:** 01 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị | **Nhóm 4**: 01 kiến nghị |  |
|  | **Mail cá nhân 1:** 01 kiến nghị | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị | - **Nhóm 1**: 01 kiến nghị |  |
|  | **Mail cá nhân 2**: 01 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị- **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị |  | Luật Kế toán và Luật Cán bộ, công chức |
|  | **Vũ Minh Đức**: 01 kiến nghị | - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 01 kiến nghị | **Nhóm 4**: 01 kiến nghị |  |
|  | **Vũ Xuân Sĩ**: 01 kiến nghị | - **Bộ Khoa học và Công nghệ:** 01 kiến nghị |  |  |
| **TỔNG IV: 06 kiến nghị** |
| **V. ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP** |
| **1** | **Cục Bổ trợ tư pháp**(Công văn 411/BTTP-LSTVPL ngày 27/4/2020; Công văn số 323/BTTP-ĐGTS ngày 30/3/2020): 20 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 5 kiến nghị (Mục I.2; Mục III Công văn số 411; Mục 3, 4 Công văn số 323)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 3 kiến nghị (Mục I Công văn số 411; Mục 1, 2 Công văn số 323)
* **Bộ Tư pháp**: 9 kiến nghị (Mục II, III, IV Công văn 411)
 | * **Nhóm 2**: 1 kiến nghị (Mục I)
* **Nhóm 8**: 4 kiến nghị (Mục I, II, III, IV)
 |  |
| **2.**  | **Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm**: 26 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 14 kiến nghị (Mục I, II )
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục I.1, I.4)
 | * **Nhóm 1**: 10 kiến nghị (Mục I)
* **Nhóm 2**: 4 kiến nghị (Mục II)
* **Nhóm 4**: 9 kiến nghị (Mục I.1, I.4, III)
 |  |
| **3** | **Cục Bồi thường NN**(Công văn số 79/BTNN-NV1 ngày 07/4/2020; kèm theo: Công văn số 07/BTNN-NV2 ngày 08/01/2020; Báo cáo số 188/BC-BTP ngày 10/8/2018 của Bộ Tư pháp; Công văn số 181/BTNN-NV2 ngày 21/6/2018): 13 kiến nghị | * **Bộ Nội vụ**: 03 kiến nghị (Công văn số 181/BTNN-NV2 và Mục I.4; Mục II.1, Mục II.6 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP);
* **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (Mục II.5 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP)
* **Bộ Tư pháp**: 4 kiến nghị (Mục I.3, I.5, II.7, II.8 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP; Mục III.1, III.2, III.3 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP)
* **Bộ Y tế**: 01 kiến nghị (Công văn số 07/BTNN-NV2 và Mục I.1 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP);
* **Thanh tra Chính phủ**: 1 kiến nghị (Mục I.2 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP)
* **Tòa án nhân dân tối cao**: 1 kiến nghị (Mục II.2 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP)
* **Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**: 2 kiến nghị (Mục II.3, II. 4 Phụ lục 2 Báo cáo số 188/BC-BTP)
 | * **Nhóm 5**: 1 kiến nghị (Công văn số 07/BTNN-NV2)
 |  |
| **4** | **Cục Kế hoạch tài chính****(Công văn số 219/KHTC-KHTH ngày 28/4/2020)**: 05 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 1 kiến nghị (Mục I.1.2)
* **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (Mục I.2)
* **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (Mục I.1.1)
 | * **Nhóm 2**: 1 kiến nghị (Mục I.1)
* **Nhóm 3**: 1 kiến nghị (Mục I.2)
 |  |
| **5** | **Văn phòng Bộ**(Công văn số 313/VP-TH&KSTTHC ngày 16/4/2020): 06 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Tư pháp**: 06 kiến nghị (mục 1, 2)
 | * **Nhóm 8** (mục 1, 2)
 |  |
| **6** | **Trung tâm Lý lịch TPQG** (Công văn số 204/TTLLTPQG - HCTH ngày 21/4/2020): 03 kiến nghị, phản ánh | **- Bộ Tư pháp**: 03 kiến nghị (mục 1, 2, 3) | * **Nhóm 9**: Mục 1, 2
* **Nhóm 10**: Mục 3
 |  |
| **7** | **Trung cấp Luật Vị Thanh**(Công văn số 81/TCLVT-ĐTCB ngày 20/4/2020): 50 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công thương**: 05 kiến nghị (Phụ lục 4)
* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 09 kiến nghị (Phụ lục 1)
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 11 kiến nghị (Phụ lục 2)
* **Bộ Tư pháp**: 24 kiến nghị (Phụ lục 3; Mục 4 Phụ lục 4)
 | * **Nhóm 1**: 09 kiến nghị (Phụ lục 1)
* **Nhóm 4**: 11 kiến nghị (Phụ lục 2)
* **Nhóm 6**: 02 kiến nghị (Mục 8, 9 Phụ lục 1)
* **Nhóm 8**: 23 kiến nghị (Phụ lục 3)
* **Nhóm 11**: 05 kiến nghị (Phụ lục 4)
 |  |
| **8** | **Vụ Pháp luật quốc tế**(Công văn số 232 /PLQT-PLĐT ngày 17/4/2020): 08 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 05 kiến nghị (Mục 1, 3, 4, 5, 6, 8 Phụ lục kèm theo Công văn số 232);
* **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 02 kiến nghị (Mục 2, 7 Phụ lục kèm theo Công văn số 232)
 | * **Nhóm 1**: 01 kiến nghị (Mục 1 Phụ lục kèm theo Công văn số 232)
* **Nhóm 2**: 04 kiến nghị (Mục 4, 5, 6, 8 Phụ lục kèm theo Công văn số 232);
* **Nhóm 4**: 02 kiến nghị (Mục 2, 7 Phụ lục kèm theo Công văn số 232)
 |  |
| **9** | **Trung cấp luật Tây Bắc –** (Công văn số 49-CV/TTCLTB ngày 17/4/2020): 10 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị (Mục 4)
* **Bộ Tài chính**: 04 kiến nghị (Mục 3)
* **Bộ Tư pháp**: 04 kiến nghị (Mục 1; Mục 2.1, 2.2)
 | * **Nhóm 6**: 04 kiến nghị (Mục 1, 2)
* **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục 3)
* **Nhóm 5**: 02 kiến nghị (Mục 4)
 |  |
| **Tổng V: 141 kiến nghị** |
| **TỔNG: 3131 KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH / 83 CƠ QUAN, TỔ CHỨC** |